

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2026
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoài Tâm.

2. Ông Phạm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: bà Trần Cẩm Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 244/2025/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 54/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Thanh X**, sinh năm 2004; nơi cư trú: G Hồ T, phường T, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **C, M**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Sô B, lộ T, khóm F, phường T, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Lương Thị Thanh X trình bày: Bà và ông C, M1 – C1 quen biết vào tháng 01/2023, sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND quận B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2023 cấp ngày 30/5/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nền văn hóa làm tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hai bên hiện sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà X xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Ông bà không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông C, M1 – C1 có đơn đề ngày 05/01/2026: xin được xét xử vắng mặt do cư trú tại Đài Loan, không thể tham gia tố tụng; đồng thời đồng ý việc ly hôn và không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Về xác định quan hệ pháp luật là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố theo quy định của pháp luật

Về nội dung: Áp dụng Điều 227, 228, 471, 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn. Con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì đương sự tự khởi kiện thành vụ kiện khác. Án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà Lương Thị Thanh X và ông C, M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2023 cấp ngày 30/5/2023 là hôn nhân hợp pháp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Bà X và ông ông C, M tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND quận B ngày 30/5/2023 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2023. Việc kết hôn được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, phù hợp quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo pháp luật Việt Nam nếu một trong các bên là công dân Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam. Trong vụ án này, nguyên đơn là công dân Việt Nam, cư trú tại thành phố Cần Thơ nên việc Tòa án Việt Nam thụ lý, giải quyết và áp dụng pháp luật

Việt Nam để xem xét yêu cầu ly hôn là đúng quy định. Theo trình bày của nguyên đơn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khác biệt về nền văn hóa, lối sống và cách ứng xử trong gia đình; thường xuyên xảy ra tranh cãi, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt. Các bên không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau hiện đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện ý chí đồng ý ly hôn, không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai bên thực tế đã chấm dứt về mặt tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; các bên không còn khả năng đoàn tụ, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, căn cứ Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị Thanh X.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự thống nhất là không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 469, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Thị Thanh X đối với ông C, M.

- *Về con chung*: Không có.

- *Tài sản chung, nợ chung*: Không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

- *Án phí*: Bà Lương Thị Thanh X nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0010222 ngày 19/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cần Thơ thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 2 – Cần Thơ;
- P.THADS Khu vực 2 – Cần Thơ;
- UBND phường ĐKKH;
- Lưu HS (2b).

Đinh Thanh Thảo